

LỚP	STT	Mã hồ sơ	HỌ TÊN	MSHS DƯ	GT	TỔNG ĐIỂM	NV1	NV2
C11	01	K23-035	NGUYỄN HÀ MINH ANH	C11-01	NỮ	21	3	1
C11	02	K23-045	NINH THỊ PHƯƠNG ANH	C11-02	NỮ	21.25	3	1
C11	03	K23-053	ĐỖ HỮU HOÀI BẢO	C11-03	NAM	21	5	3
C11	04	K23-070	BÙI THỊ BẢO CHÂU	C11-04	NỮ	19	3	1
C11	05	K23-085	NGUYỄN PHÚC VIỆT DANH	C11-05	NAM	20.75	3	1
C11	06	K23-095	ĐỖ THÚY DIỆU	C11-06	NỮ	22.5	3	3
C11	07	K23-107	UNG PHỐI DUNG	C11-07	NỮ	23.5	3	2
C11	08	K23-082	LÊ PHẠM ĐAN	C11-08	NAM	20	3	1
C11	09	K23-083	NGUYỄN PHẠM LINH ĐAN	C11-09	NỮ	21	3	1
C11	10	K23-089	ĐINH VIỆT QUỐC ĐẠT	C11-10	NAM	20.75	3	1
C11	11	K23-132	LÊ THỊ KIM HÀ	C11-11	NỮ	24	3	1
C11	12	K23-135	LÊ MINH HẢI	C11-12	NAM	23.25	3	1
C11	13	K23-179	BÙI NGUYỄN TIỀN HÙNG	C11-13	NAM	21.75	3	2
C11	14	K23-278	LƯU THỊ MỸ LINH	C11-14	NỮ	19.75	3	2
C11	15	K23-285	NGUYỄN CẢNH LINH	C11-15	NỮ	23.25	3	1
C11	16	K23-292	NGUYỄN THÀNH LỘC	C11-16	NAM	20.75	3	1
C11	17	K23-297	NGUYỄN KIẾN LUÂN	C11-17	NAM	23.25	3	4
C11	18	K23-325	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	C11-18	NỮ	20.75	3	1
C11	19	K23-327	PHẠM QUỲNH DIỄM MY	C11-19	NỮ	19.75	3	1
C11	20	K23-348	ĐINH ĐỒNG NGHI	C11-20	NỮ	21.25	3	1
C11	21	K23-364	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	C11-21	NỮ	21.25	3	1
C11	22	K23-385	LƯU YÊN NHI	C11-22	NỮ	22	3	1
C11	23	K23-397	PHẠM TRẦN QUỲNH NHƯ	C11-23	NỮ	20	3	1
C11	24	K23-413	HỨA TÂN PHÁT	C11-24	NAM	23.5	3	3
C11	25	K23-441	LÊ MINH PHƯƠNG	C11-25	NỮ	20.25	3	2
C11	26	K23-440	LÊ MỸ PHƯỚC	C11-26	NỮ	20	3	1
C11	27	K23-454	VŨ NGỌC Y PHƯƠNG	C11-27	NỮ	19.75	3	1
C11	28	K23-487	NGUYỄN NGỌC MINH TÂM	C11-28	NỮ	21.75	3	1
C11	29	K23-528	ĐỖ HOÀNG MINH THƯ	C11-29	NỮ	21.25	3	2
C11	30	K23-529	HỒ ANH THƯ	C11-30	NỮ	20.25	3	3
C11	31	K23-549	PHAN THỊ ANH THƯƠNG	C11-31	NỮ	19.5	3	1
C11	32	K23-558	PHẠM THUY TIỀN	C11-32	NỮ	21.75	3	1
C11	33	K23-582	TRẦN VÕ UYÊN TRANG	C11-33	NỮ	21.25	3	1
C11	34	K23-588	NGUYỄN LÊ YÊN TRANG	C11-34	NỮ	21.75	3	1
C11	35	K23-575	NGUYỄN LÊ TRẦN	C11-35	NỮ	21.75	3	1
C11	36	K23-580	VÒNG BẢO TRẦN	C11-36	NỮ	22.25	3	1
C11	37	K23-581	ĐẶNG NGỌC BẢO TRẦN	C11-37	NỮ	19.25	3	2
C11	38	K23-606	ĐINH PHÚ TRỌNG	C11-38	NAM	22.25	3	4
C11	39	K23-614	PHẠM THỊ THANH TRÚC	C11-39	NỮ	20	3	5
C11	40	K23-622	TRƯƠNG THÀNH TRƯỜNG	C11-40	NAM	21.25	3	5
C11	41	K23-635	DƯƠNG HUỲNH NGỌC TUYỀN	C11-41	NỮ	19.75	3	5
C11	42	K23-636	BÙI NGÔ KIM TUYỀN	C11-42	NỮ	19	3	1
C11	43	K23-625	ĐÀO NGUYỄN MINH TÚ	C11-43	NỮ	20.75	3	1
C11	44	K23-638	BÙI HUỲNH THẢO UYÊN	C11-44	NỮ	20.25	6	3
C11	45	K23-684	HUỲNH NGỌC NHƯ Ý	C11-45	NỮ	22	3	6
C11	46	K23-HN8	NGUYỄN TRƯỜNG KHOA	C11-46				
C11	47	K23-HN9	TÓNG TRẦN KHÔI NGUYỄN	C11-47				